TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THAH HÓA

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2020
V/v: Ly hôn, trAh chấp nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THAH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Ký

2/ Bà Nguyễn Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đỗ Ng Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh ThAh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh ThAh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Tuấn Ah - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, Tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh ThAh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về trAh chấp: Ly hôn trAh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Như Q - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 24, đường L, phường B, thị xã B, tỉnh ThAh Hóa.

- Bị đơn: Ah Bùi Xuân T - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh ThAh Hóa.

Ti phiên toà vắng mặt chị Q (có đơn xin xét xử vắng mặt) và Ah T (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Ti đơn khởi kiện ngày 20/4/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trịnh Thị Như Q trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và Ah Bùi Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được Uỷ bA nhân dân phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh ThAh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/12/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Ah T quA hệ với người khác và Ah T đã đánh chị, từ đó Ah ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quA tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chị xin được ly hôn với Ah Bùi Xuân T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Bùi Tường A sinh ngày 14/9/2014 và Bùi Khánh Ng sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay các cháu khỏe mạnh và đAg ở với chị. Ly hôn chị Q có nguyện vọng nuôi cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản:* Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Toà án nhân dân huyện Hà Trung đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Ah Bùi Xuân T đến làm việc tuy nhiên Anh T đã nhận văn bản tố tụng do Toà án huyện Hà Trung giao nhưng không đến làm việc. Nên không có ý kiến quA điểm của Ah T về việc giải quyết vụ án.

* Toà án nhân dân huyện Hà Trung có làm việc với ông Bùi Xuân T là bố đẻ của Ah Bùi Xuân T. Ông T cho biết, Ah T và chị Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn Ti Uỷ bA nhân dân phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh ThAh Hóa. Ah T và chị Q chung sống đến tháng 4 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quA điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, đã nhiều lần khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà. Ah T và chị Q có 02 con chung, các cháu tên là Bùi Tường A sinh ngày 14/9/2014 và Bùi Khánh Ng sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay cháu khỏe mạnh và ở với chị Q. Hiện Ti Ah T đAg đi làm ăn, là lái xe, làm các công trình và hay liên lạc với gia đình, thường xuyên về nhà rồi lại đi làm. Ah T biết chị Q xin ly hôn, nhưng do bận không thể đến Tòa án làm việc được. Ông T cho biết quA điểm của Ah T là đồng ý ly hôn với chị Q, đồng ý giao cả hai con cho chị Q nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng/1 cháu, về tài sản không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Toà án nhân dân huyện Hà Trung đã tiến hành xác minh Tại xã Hà Bắc, theo thông tin cung cấp thì được biết: Chị Q và Ah T là vợ chồng. Vợ chồng Ah chị có 02 con chung. các cháu tên là Bùi Tường A, sinh ngày 14/9/2014 và Bùi Khánh Ng, sinh ngày 25/10/2016 các cháu đAg ở với chị Q. Hiện Ti Ah T là lái xe, thường xuyên đi

làm xa nhưng cũng rất hay về nhà. Ah T ngoài ra còn làm sA lấp mặt bằng xây dựng, có xe tải và máy móc để làm công trình.

Ti phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quA điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và Ti phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn Ah T; về con chung giao cháu Bùi Tường A và Bùi Khánh Ng cho chị Q nuôi dưỡng. Ah T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng/cháu cho đến khi 2 cháu đến tuổi trưởng thành. Chị Q và Ah T phải chịu tiền án phí DSST.

Ti phiên tòa hôm nay Ah T vắng mặt; chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra Ti phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận Ti phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Như Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là Ah Bùi Xuân T không có mặt Ti phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 21/7/2020. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt Ah T và chị Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Như Q và Ah Bùi Xuân T kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Q vợ chồng sau khi kết hôn chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Ah T quA hệ với người khác và Ah đánh chị. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quA tâm đến nhau.

Đối với Ah T, Ah đã được Toà án triệu tập hợp lệ, Ah cũng đã được nhận các văn bản tố tụng do Toà án giao nhưng Ah không đến Tòa làm việc. Đây thể hiện Ah không còn tình cảm với chị Q và bỏ mặc việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã làm việc ông Bùi Xuân T là bố đẻ của Ah Bùi Xuân T và UBND xã Hà Bắc được biết chị Q và Ah T hiện Ti không sống chung với nhau, Ah T và chị Q có 02 con chung, các cháu tên là Bùi Tường A và Bùi Khánh Ng. Hiện nay các cháu đAg ở với chị Q. Hiện nay Ah T đAg đi làm ăn, thường xuyên liên lạc và về với gia đình. Chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Nguyện vọng của Ah T là cũng xin được ly hôn.

Xét thấy, chị Q thực sự không còn tình cảm với Ah T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Ah T cũng không đến làm việc, bỏ mặc việc giải quyết vụ án chứng tỏ

Ah không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến nay chị Q vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quA tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị Q đã thực sự không còn tình cảm với Ah T, Ah T không quA tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó nếu buộc Ah chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q và căn cứ Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho chị Q được ly hôn Ah T là phù hợp.

[3] Về con: Theo chị Q vợ chồng Ah chị có 02 con chung, các cháu tên là Bùi Tường A, sinh ngày 14/9/2014 và Bùi Khánh Ng, sinh ngày 25/10/2016. Ly hôn chị Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Chị Q đã xuất trình trích lục khai sinh của cháu A và cháu Ng, có ghi tên mẹ là Trịnh Thị Như Q và bố là Bùi Xuân T. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu A và cháu Ng là con chung của chị Q và Ah T.

. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân Ah T không thường xuyên quA tâm chăm sóc con. Theo ông Tá là bố đẻ Ah T, Ah T cũng đồng ý nếu vợ chồng ly hôn thì giao cả hai con cho chị Q nuôi dưỡng. Ngoài ra từ khi vợ chồng sống ly thân chị Q vẫn chăm sóc các cháu tốt và cháu A và cháu Ng là con gái nên cần có sự chăm sóc của mẹ, hiện nay chị bán hàng thời trAg thu nhập 15.000.000đ/tháng nên cũng đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GĐ giao cháu A và cháu Ng cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q yêu cầu Ah T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.500.000đ/cháu. Theo ông Tá cho biết Ah T cũng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mà chị Q đưa ra. Hội đồng xét xử thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mà đây cũng là nguyện vọng của chị và Ah. Nhưng do không có ý kiến trực tiếp của Ah T về mức thu nhập của mình, xét thấy mức cấp dưỡng chị đưa ra là cao so với mức với thu nhập cũng như mức sống hiện nay Ti địa phương, nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đồng là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử buộc Ah T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q mỗi tháng là 1.500.000đồng cho mỗi cháu, cả hai cháu là 3.000.000đồng/tháng. Thời giA cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 đến khi cháu Ng và cháu A đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị Q không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Như Q là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Q phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Ah Bùi Xuân T phải chịu tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Như Q và Ah Bùi Xuân T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 02 con chung gồm:

+ Bùi Tường A - Sinh ngày 14 tháng 9 năm 2014;

+ Bùi Khánh Ng - Sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016.

2.2. Giao con chung là Bùi Tường A và Bùi Khánh Ng cho chị Trịnh Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Ah Bùi Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi tháng cho một cháu là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Cả hai cháu mỗi tháng là 3.000.000đồng. Thời giA cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu A và cháu Ng đủ 18 tuổi.

2.4. Ah T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Trịnh Thị Như Q phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền Tm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009087 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị Q đã nộp đủ.

- Ah Bùi Xuân T phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành Ti Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định Ti Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định Ti Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Q, Ah T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- TAD tỉnh ThAh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND P. Ba Đình (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Ng Tuấn